

=

**PHỤ BIỂU 01**  
**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**  
**GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 theo NQ số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Điều chỉnh kế hoạch vốn gian đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ (1+2+3+4)</b>	<b>346.872</b>	<b>22.040</b>	<b>154.861</b>	<b>479.693</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn tỉnh phân cấp theo điểm số phân bổ</b>	<b>81.457</b>	<b>2.214</b>	<b>2.214</b>	<b>81.457</b>	
	Trong đó:					
-	Bổ trí thanh toán nợ các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	7.583	-	-	7.583	
-	Bổ trí các dự án, công trình mở mới	73.874	2.214	2.214	73.874	
-	Nguồn vốn dự phòng theo quy định của Luật Đầu tư công	-	-	-	0	
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất</b>	<b>202.397</b>	<b>14.005</b>	<b>74.684</b>	<b>263.076</b>	
	Trong đó:					
-	Bổ trí thanh toán nợ các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	12.198	6.819	-	5.379	
-	Bổ trí các dự án, công trình mở mới	76.024	7.186	53.265	122.103	
-	Trích lập Quỹ phát triển đất (20%) và hoàn trả tiền đầu tư các công trình để chuyển về Quy bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh	45.001		21.419	66.420	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn các xã	69.174	-	-	69.174	
-	Nguồn vốn dự phòng theo quy định của Luật Đầu tư công	-	-	-	0	
<b>3</b>	<b>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và tỉnh hỗ trợ</b>	<b>48.018</b>	<b>5.821</b>	<b>5.821</b>	<b>48.018</b>	
<b>4</b>	<b>Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng công an xã chính quy theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022</b>	<b>15.000</b>		<b>-</b>	<b>15.000</b>	
<b>5</b>	<b>Nguồn ứng quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất</b>			<b>72.142</b>	<b>72.142</b>	
<b>6</b>	<b>Danh mục các dự án cấp thiết đầu tư nhưng chưa cân đối được nguồn vốn</b>	<b>278.040</b>	<b>10.800</b>	<b>42.828</b>	<b>307.570</b>	Chưa cân đối được nguồn vốn

**PHỤ BIỂU 02**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMBĐT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMBĐT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V)</b>				<b>724.642</b>	<b>346.872</b>	<b>22.040</b>	<b>154.861</b>	<b>858.924</b>	<b>479.693</b>	
<b>I</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TÍNH PHẦN CẤP</b>				<b>148.518</b>	<b>81.457</b>	<b>2.214</b>	<b>2.214</b>	<b>150.518</b>	<b>81.457</b>	
<b>1</b>	<b>Thanh toán nợ các Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>					<b>34.607</b>	<b>7.583</b>	-	-	<b>34.607</b>	<b>7.583</b>
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>					<b>18.908</b>	<b>2.676</b>	-	-	<b>18.908</b>	<b>2.676</b>
1.1.1	Trường THCS Nam Đà	Xã Nam Đà	Xây mới thêm 10 phòng học 2 tầng, thiết bị	3021/QĐ ngày 31/10/2018	4.932	403			4.932	403	
1.1.2	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Đăk Drô	Xây dựng 03 phòng học và nhà hiệu bộ	3287/QĐ ngày 13/11/2019	4.509	1.689			4.509	1.689	
1.1.3	Trường TH Kim Đồng	Xã Năm N'Đir	Nhà lớp học 10 phòng 2 tầng	3019/QĐ ngày 31/10/2018	4.467	340			4.467	340	
1.1.4	Trường Tiểu học Lê Lợi, xã Năm Xuân	Xã Năm Xuân	Nhà lớp học 08 phòng, 2 tầng.	2197/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	5.000	244			5.000	244	
<b>1.2</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>2.833</b>	<b>373</b>	-	-	<b>2.833</b>	<b>373</b>	
1.2.1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường huyện Đăk Mâm - Năm Nung - Năm N'đir (đoạn trung tâm xã Năm Nung)	Xã Năm Nung	Nâng cấp mở rộng 2km mặt đường láng nhựa	3011/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.833	373			2.833	373	
<b>1.3</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>				<b>3.564</b>	<b>973</b>	-	-	<b>3.564</b>	<b>973</b>	
1.3.1	Kè Chống sạt lở suối Đăk Nang	Xã Đăk Nang	800 m	2950/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	2.200	204			2.200	204	
1.3.2	Trạm bơm điện bon Choih xã Đứk Xuyên	Xã Đứk Xuyên		2049/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	1.364	769			1.364	769	
<b>1.4</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý Nhà nước</b>				<b>9.302</b>	<b>3.561</b>	-	-	<b>9.302</b>	<b>3.561</b>	
1.4.1	Trụ sở xã Đứk Xuyên	Xã Đứk Xuyên	Xây dựng trụ sở	2953/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	9.302	3.561			9.302	3.561	

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				113.911	73.874	2.214	2.214	115.911	73.874	
2.1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề				29.048	20.381	2.200	2.214	31.048	20.395	
2.1.1	Trường THCS Tân Thành	Xã Tân Thành	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2952/QĐ-UBND ngày 09/11/2020	4.000	3.910			4.000	3.910	
2.1.2	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	3301/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	4.500	3.260			4.500	3.260	
2.1.3	Trường TH Lê Văn Tám (phân hiệu Tân Lập)	Xã Năm Nung	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng và trang thiết bị	5046/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	3.700	3.383			3.700	3.383	
2.1.4	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng và trang thiết bị	4878/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	3.700	3.530		43	3.700	3.573	Tăng KH vốn để bố trí đủ vốn cho công trình
2.1.5	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Xã Tân Thành	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	214/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	3.700	3.655		15	3.700	3.670	Tăng KH vốn để bố trí đủ vốn cho công trình
2.1.6	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ	230/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.200	2.200				Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn để bố trí cho công trình Trường TH Trần Phú, hạng mục: Nhà lớp học 8 phòng 2 do đang thiếu phòng học rút cấp thiết
2.1.7	Trần TH Trần Phú	TT Đăk Mâm	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng					2.156	4.500	2.156	Bổ sung kế hoạch vốn cho công trình để đầu tư và lồng ghép với nguồn bán đấu giá quyền sử dụng đất là 2.250 trđ
2.1.8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị.	TT Đăk Mâm	Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị.	2965/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	2.239	142			2.239	142	
2.1.9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề.	TT Đăk Mâm	Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề.	96/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.709	301			4.709	301	
2.2.	Lĩnh vực văn hoá				10.000	3.805	-	-	10.000	3.805	
2.2.1	Nhà văn hoá xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Hội trường 200 chỗ ngồi	243/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	3.000	1.455			3.000	1.455	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2.2.2	Nhà văn hoá xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Hội trường 200 chỗ ngồi	94/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	3.000	1.350			3.000	1.350	
2.2.3	Công chào điện tử, công hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đắc Mâm	TT Đắc Mâm	Xây dựng 01 công chào điện tử; 03 công hoa, 02 cụm đèn led trang trí	90/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.000	1.000			4.000	1.000	
<b>2.3</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>16.190</b>	<b>12.098</b>	-	-	<b>16.190</b>	<b>12.098</b>	
2.3.1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông vào hội trường thôn Đắc Vượng	TT Đắc Mâm	Nâng cấp, cải tạo 600m đường giao thông nông thôn, cấp B.	245/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.400	1.366			1.400	1.366	
2.3.2	Đường giao thông nông thôn bon Yôk Rlinh	TT Đắc Mâm	Nâng cấp 650m đường giao thông nông thôn, cấp B.	224/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.300	1.200			1.300	1.200	
2.3.3	Đường thôn Nam Hợp đi suối Bong	xã Nam Xuân	BT 2 km, nền đường	4720/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	4.990	4.962			4.990	4.962	
2.3.4	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận, xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Nâng cấp 2,5km đường giao thông nông thôn, cấp A	236/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	8.500	4.570			8.500	4.570	
<b>2.4</b>	<b>Lĩnh vực cấp, thoát nước</b>				<b>16.996</b>	<b>11.828</b>	-	-	<b>16.996</b>	<b>11.828</b>	
2.4.1	Công trình cấp nước tập trung thôn Đắc Sơn	Xã Nam Xuân	Cấp nước 200 hộ	5145/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	4.996	4.823			4.996	4.823	
2.4.2	Công trình cấp nước Bon Đắc Prí, xã Nam N'Dir	xã Nam N'Dir	Cấp nước 350 hộ	235/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	7.000	4.955			7.000	4.955	
2.4.3	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Xây mới công trình cấp nước cho khoảng 250 hộ dân	88/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	5.000	2.050			5.000	2.050	
<b>2.5</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>				<b>6.800</b>	<b>5.010</b>	-	-	<b>6.800</b>	<b>5.010</b>	
2.5.1	Trạm bơm điện thôn Ninh Giang, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Tưới bổ trợ cho 40 ha	234/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	3.300			5.000	3.300	
2.5.2	Kênh chính và kênh đất cánh đồng bon Choih	Xã Đứơc Xuyên	Nâng cấp sửa chữa 1.300m kênh	233/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.800	1.710			1.800	1.710	
<b>2.6</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				<b>1.089</b>	<b>1.028</b>	-	-	<b>1.089</b>	<b>1.028</b>	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
2.6.1	Trụ sở làm việc HĐND&UBND huyện	TT Đăk Mâm	Nâng cấp, sửa chữa kho lưu trữ của huyện	3106/QĐ-UBND ngày 02/12/2020	1.089	1.028			1.089	1.028	
<b>2.7</b>	<b>Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng</b>				<b>33.787</b>	<b>19.724</b>	<b>14</b>	<b>-</b>	<b>33.787</b>	<b>19.710</b>	
2.7.1	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Drô	Xã Đăk Drô	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	5066/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.000	1.965			2.000	1.965	
2.7.2	Trụ làm việc Công an xã Năm Nung	Xã Năm Nung	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	4703/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	2.000	1.965			2.000	1.965	
2.7.3	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2582/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	3.500	1.900			3.500	1.900	Bổ sung KH vốn để bố trí đủ vốn cho công trình
2.7.4	Trụ sở làm việc Công an xã Đưc Xuyên	Xã Đưc Xuyên	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	86/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.800			3.500	1.800	Bổ sung KH vốn để bố trí đủ vốn cho công trình
2.7.5	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Sôr	Xã Đăk Sôr	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	89/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.729			3.500	1.729	
2.7.6	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2369/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	3.500	1.950			3.500	1.950	Bổ sung KH vốn để bố trí đủ vốn cho công trình
2.7.7	Trụ sở làm việc Công an xã Buôn Choáh	Xã Buôn Choáh	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2702/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	3.500	1.900			3.500	1.900	Bổ sung KH vốn để bố trí đủ vốn cho công trình
2.7.8	Trụ sở làm việc Công an xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Bồi thường giải phóng mặt bằng và các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	85/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	4.300	1.950			4.300	1.950	
2.7.9	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.000			3.500	1.000	
2.7.10	Nhà làm việc xã đội Năm Nung	Xã Năm Nung	Nhà làm việc cấp IV	5067/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	987	965	5		987	960	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025		
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	
2.7.11	Nhà làm việc xã đội xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Nhà làm việc cấp IV	3203/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	1.000	950	9		1.000	941	Giảm KHV do giảm thầu, chi phí dự phòng	
2.7.12	Nhà làm việc xã đội xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Nhà làm việc cấp IV	216/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	950			1.000	950		
2.7.13	Trụ sở làm việc công an xã Quảng Phú, hạng mục: Sửa chữa, cải tạo.	Xã Quảng Phú	Sửa chữa, cải tạo.	93/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	700			1.500	700		
<b>II</b>	<b>NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>				<b>433.324</b>	<b>202.397</b>	<b>14.005</b>	<b>74.684</b>	<b>531.006</b>	<b>263.076</b>		
<b>1</b>	<b>Trích lập Quỹ phát triển đất (20%) và hoàn trả tiền đầu tư các công trình để chuyển chuyển về Quy bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh</b>					<b>136.920</b>	<b>45.001</b>	<b>0</b>	<b>21.419</b>	<b>136.920</b>	<b>66.420</b>	
1.1	Trích lập Quỹ phát triển đất (20%)					45.001	45.001			45.001	45.001	
1.2	Hoàn trả nguồn vốn đền bù Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện (đợt 1)					6.819			6.819	6.819	6.819	Tăng KH vốn do tăng nguồn để hoàn trả nguồn vốn đền bù Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện (đợt 1) (nguồn điều chỉnh giảm ở danh mục công trình thanh toán nợ)
1.3	Hoàn trả tiền ứng để đầu tư công trình Chính trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)					33.300			5.000	33.300	5.000	Bổ sung nguồn vốn để hoàn trả tiền ứng Quỹ bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh để đầu tư công trình
1.4	Hoàn trả tiền ứng để đầu tư công trình Trung tâm xã Đức Xuyên					9.000			1.400	9.000	1.400	Bổ sung nguồn vốn để hoàn trả tiền ứng Quỹ bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh để đầu tư công trình
1.5	Hoàn trả tiền ứng để đầu tư công trình Trung tâm xã Đắc Nang					10.300			1.700	10.300	1.700	Bổ sung nguồn vốn để hoàn trả tiền ứng Quỹ bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh để đầu tư công trình
1.6	Hoàn trả tiền ứng để đầu tư Trung tâm xã Nam Đà					32.500			6.500	32.500	6.500	Bổ sung nguồn vốn để hoàn trả tiền ứng Quỹ bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh để đầu tư công trình
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn các xã</b>	<b>Toàn huyện</b>				<b>69.174</b>	<b>69.174</b>			<b>69.174</b>	<b>69.174</b>	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
3	<b>Thanh toán nợ các Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				35.304	12.198	6.819	-	28.485	5.379	
3.1	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				6.700	445	-	-	6.700	445	
3.1.1	Trường TH Nguyễn Viết Xuân, xã Buôn Chóah	Buôn Chóah	Cổng, tường rào, sân bê tông và nhà vệ sinh	3286/QĐ ngày 13/11/2019	1.500	120			1.500	120	
3.1.2	Trường THCS Buôn Chóah	Xã Buôn Chóah	08 phòng học 2 tầng	2954, ngày 29/10/2019	5.200	325			5.200	325	
3.2	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				12.483	1.315	-	-	12.483	1.315	
3.2.1	Đường B1, B2, B4, Đ10E, N3 nối dài	TT Đăk Mâm	1.200 m nhựa, HTTN	3016, ngày 31/10/2018	6.850	67			6.850	67	
3.2.2	Nâng cấp đường giao thông nội bon Broih, thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Nền, móng, mặt đường và HTTN	3021/QĐ-UBND ngày	1.000	200			1.000	200	
3.2.3	Đường vào Trụ sở Ban CHQS huyện	TT Đăk Mâm	Đền bù GPMB; Nền, mặt đường láng nhựa và HTTN, chiều dài 207m	2690/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	4.633	1.048			4.633	1.048	
3.3	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				16.121	10.438	6.819	-	9.302	3.619	
3.3.1	Trụ sở xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Xây dựng trụ sở	2953/QĐ-UBND ngày	9.302	3.619			9.302	3.619	
3.3.2	Hoàn trả nguồn vốn đền bù Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện (đợt 1)	TT Đăk Mâm		4166/QĐ-UBND ngày 26/12/2019	6.819	6.819	6.819			-	Giảm KHV do đưa lên KH vốn phân trích lập Quỹ phát triển đất để chuyển về quỹ đất tỉnh (20%)
4	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				191.926	76.024	7.186	53.265	296.426	122.103	
4.1	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				20.484	11.539	1.348	3.350	26.984	13.541	
4.1.1	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	3301/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	4.500	1.191			4.500	1.191,00	
4.1.2	Trường MN Hoa Pơ Lang	Xã Năm Nung	Nhà hiệu bộ	5069/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.484	2.474			2.484	2.474,00	
4.1.3	Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Nam Xuân	Nhà tập đa năng	5152/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	3.500	3.389			3.500	3.389,00	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.1.4	Trường TH Trần Phú	TT Đăk Mâm	Nhà hiệu bộ	213/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	1.250	1.250			-	Điều chỉnh giám kế hoạch vốn để bố trí cho công trình Trường TH Trần Phú, hạng mục: Nhà lớp học 8 phòng 2 do trường đang thiếu phòng học nên rất cấp thiết
4.1.5	Trường Mầm Non Hương Dương	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ	212/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.450	98		2.500	2.352,00	Giảm KHV do giám thầu, chỉ phí dự phòng
4.1.6	Trường THCS Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Nâng cấp, mở rộng 8 phòng 2 tầng	1738/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	5.000	785			5.000	785	
4.1.7	Trường TH Trần Phú	TT Đăk Mâm	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng					2.250	4.500	2.250	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn (công trình đang rất cấp thiết cần đầu tư để bố trí đủ phòng học cho học sinh và lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp là 2.200 triệu đồng)
4.1.8	Trường TH Lê Văn Tám (Điểm chính)	Xã Năm Nung	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng					1.100	4.500	1.100	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn (công trình đang rất cấp thiết cần đầu tư để bố trí đủ phòng học cho học sinh và lồng ghép với vốn tăng thu, tiết kiệm chi với số tiền là 3.400 trđ)
<b>4.2</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>				<b>5.000</b>	<b>3.738</b>	<b>3.738</b>	<b>10.000</b>	<b>30.000</b>	<b>10.000</b>	
4.2.1	Sân vận động huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san lấp khoảng 25.000m <sup>2</sup>	241/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	3.738	3.738			-	Điều chỉnh giám kế hoạch vốn công trình để bố trí đầu tư cho các công trình đang cấp thiết hơn như Trường TH Trần Phú, Trường TH Lê Văn Tám đang thiếu phòng học cho học sinh và đưa vào danh mục cấp thiết nhưng chưa cần đòi được nguồn vốn
4.2.2	Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Nhà văn hoá trung tâm: Công trình dân dụng, cấp III (2 tầng); Các hạng mục phụ trợ khác gồm: Bể bơi ngoài trời; Sân thể thao; Nhà bảo vệ, nhà xe, Sân đường nội bộ, hoa viên, công nghệ; Hạ tầng kỹ thuật khác và Trang thiết bị					10.000	30.000	10.000	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn (công trình đang rất cấp thiết cần đầu tư), kết hợp với nguồn hỗ trợ của Huyện Duy Xuyên
<b>4.3</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>63.000</b>	<b>19.391</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>63.000</b>	<b>19.391</b>	
4.3.1	Đường từ thôn Xuyên Hà đến cống ngầm Đăk Nang	Xã Đứk Xuyên	Nâng cấp 2km đường giao thông nông thôn, cấp B.	232/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	4.000			4.000	4.000	
4.3.2	Đường Võ Văn Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, hệ thống điện		Nâng cấp, cải tạo 0,7km đường đô thị.	93/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	7.000	6.904			7.000	6.904	Tăng KH vốn để bố trí đủ vốn cho công trình
4.3.3	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận, xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Nâng cấp 2,5km đường giao thông nông thôn, cấp A	236/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	8.500	3.930			8.500	3.930	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.3.4	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đăk Drô	Xã Nam Đà, Đăk Drô		1746/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20.000	692			20.000	692	
4.3.5	Đường tránh thao trường và tái định canh cho hộ gia đình bị giải toả xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	Xã Đứrc Xuyên		83/QĐ-BQL ngày 18/5/2022	21.000	1.365			21.000	1.365	
4.3.6	Đường N6, Đ3 xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Nâng cấp 850m đường giao thông.	237/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500			2.500	2.500	
<b>4.4</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>				<b>21.742</b>	<b>8.845</b>	<b>2.100</b>	<b>4.915</b>	<b>21.742</b>	<b>11.660</b>	
4.4.1	Kênh nội đồng cánh đồng xã Đăk Drô	Xã Đăk Drô	1205,71m kênh	5068/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	3.404	3.064			3.404	3.064	
4.4.2	Nâng cấp tuyến kênh từ kênh chính vào khu tưới nhà ông Đoàn Văn Dự	Xã Đăk Nang	Nâng cấp, sửa chữa khoảng 1.200m kênh.	247/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.900	2.006		715	2.900	2.721	Bổ sung thêm kế hoạch vốn để bố trí đủ vốn cho công trình
4.4.3	Xây mới tuyến kênh 327, xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Đầu tư khoảng 700m kênh.	253/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.800	1.000			1.800	1.000	
4.4.4	Nâng cấp kênh chính và kênh đất cánh đồng thôn Bình Giang, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Nâng cấp 2.000m kênh	246/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.200	2.100	2.100				Điều chỉnh giám kê hoạch vốn công trình do do trên cánh đồng xã Buôn Choah đã được đầu tư nâng cấp các trạm bơm và hệ thống kênh đến thời điểm hiện tại cơ bản đã đáp ứng được nguồn nước tưới cho diện tích sản xuất. Do đó điều chỉnh giám kê hoạch vốn để bố trí đầu tư cho các công trình đang cấp thiết hơn.
4.4.5	Hồ Đăk Lưu xã Tân Thành huyện Krông Nô	Xã Tân Thành		169/QĐ-BQL ngày 23/12/2021	9.438	675			9.438	675	
4.4.6	Kênh và công trình trên kênh cánh đồng bon K' Tăh	Xã Quảng Phú	Kênh và công trình phụ trợ 1,3km					4.200	4.200	4.200	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn (công trình đang rất cấp thiết cần đầu tư)
<b>4.5</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				<b>60.000</b>	<b>18.779</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>60.000</b>	<b>18.779</b>	
4.5.1	Chi đền bù, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện	Toàn huyện	Đền bù GPMB			804				804	
4.5.2	Dự án chỉnh trang khu dân cư đô thị phía sau tiệm vàng Hồng Bình	TT Đăk Mâm	Đền bù GPMB	3239/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	1.156	18			1.156	18	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
4.5.3	Trung tâm xã Đức Xuyên, hạng mục: Xây trụ sở HĐND&UBND xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Đền bù GPMB	2566/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	1.297	62			1.297	62	
4.5.4	Trung tâm cụm xã Đăk Nang, hạng mục: Giải phòng mặt bằng khuôn viên trụ sở HĐND & UBND xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Đền bù GPMB	5273/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	2.512	2.503			2.512	2.503	
4.5.5	Trụ sở HĐND & UBND huyện Krông Nô, Hạng mục: Cải tạo trụ sở làm việc và công trình phụ trợ	TT Đăk Mâm	Cải tạo nhà làm việc và công trình phụ trợ	2821/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	2.434	2.434			2.434	2.434	
4.5.6	Chỉnh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)	TT Đăk Mâm	Bồi thường giải phòng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông	193/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	33.300	8.830			33.300	8.830	
4.5.7	Trung tâm xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Bồi thường giải phòng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông	190/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	9.000	2.000			9.000	2.000	
4.5.8	Trung tâm xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Bồi thường giải phòng mặt bằng, san lấp mặt bằng, đường giao thông và điện sinh hoạt	191/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	10.300	2.128			10.300	2.128	
<b>4.6</b>	<b>Chi đầu tư khác</b>				<b>5.790</b>	<b>5.577</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.790</b>	<b>5.577</b>	
4.6.1	San lấp mặt bằng các khu vực khai thác quặng đất (khu vực cánh đồng La Trao)	Toàn huyện	San lấp mặt bằng khoảng 27.146m <sup>2</sup> và xây dựng hệ thống thoát nước bằng bê tông cốt thép dài khoảng 95m	128/NQ-HĐND ngày 10/8/2021	2.745	2.503			2.745	2.503	
4.6.2	Hỗ trợ làm đường GTNT trên địa bàn các xã, thị trấn	Toàn huyện			2.000	2.000			2.000	2.000	
4.6.3	Cụm công nghiệp huyện Krông Nô	Xã Đăk Drô	Đền bù GPMB	3224/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	1.045	1.045			1.045	1.045	
4.6.4	Đối ứng Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)	Các xã, thị trấn				29				29	
<b>4.7</b>	<b>Lĩnh vực quy hoạch</b>				<b>1.911</b>	<b>1.911</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.911</b>	<b>1.911</b>	
4.7.1	Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Krông Nô	Toàn huyện	Quy hoạch SD đất cấp huyện	3173/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	1.911	1.911			1.911	1.911	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>4.8</b>	<b>Lĩnh vực kiến thiết thị chính</b>				<b>10.000</b>	<b>5.500</b>	<b>-</b>	<b>33.000</b>	<b>80.000</b>	<b>38.500</b>	
4.8.1	Chỉnh trang hệ thống vỉa hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	98/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	10.000	5.500			10.000	5.500	Giảm KHV do giám thầu, chi phí dự phòng
4.8.2	Hoa viên khu vực bờ hồ trung tâm thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm						33.000	70.000	33.000	Bổ sung thêm danh mục và tăng kế hoạch vốn (vốn bồi thường bằng đất khu vực cánh đồng La Trao 33 tỷ đồng)
<b>4.9</b>	<b>Lĩnh vực điện</b>				<b>4.000</b>	<b>744</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.000</b>	<b>744</b>	
4.9.1	Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Thịnh, xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	2,2km đường dây trung áp, 1,5km đường dây hạ áp và 2 trạm biến áp	2541/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	4.000	744			4.000	744	Giảm KHV do giám thầu, chi phí dự phòng
<b>4.10</b>	<b>Lĩnh vực bảo vệ môi trường</b>				<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.000</b>	<b>3.000</b>	<b>2.000</b>	
4.10.1	Nâng cấp mở rộng bãi rác tại Bãi chôn lấp, xử lý rác thải rắn huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Bãi chôn lấp, xử lý rác thải rắn huyện Krông Nô với diện tích khoảng 1,5ha.					2.000	3.000	2.000	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn, Công trình đang rất cấp thiết cần đầu tư
<b>III</b>	<b>NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI VÀ TÍNH HỖ TRỢ</b>				<b>59.700</b>	<b>48.018</b>	<b>5.821</b>	<b>5.821</b>	<b>61.800</b>	<b>48.018</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>59.700</b>	<b>48.018</b>	<b>5.821</b>	<b>5.821</b>	<b>61.800</b>	<b>48.018</b>	
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				<b>43.700</b>	<b>38.515</b>	<b>5.821</b>	<b>5.821</b>	<b>45.800</b>	<b>38.515</b>	
1.1.1	Trường TH Hoàng Diệu	Xã Nam Đà	Nâng cấp, mở rộng sân trường	250/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000	30		1.000	970	Giảm do giám thầu, chi phí dự phòng và giá trị quyết toán giảm
1.1.2	Trường THCS Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	211/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	5.000	4.215	128		5.000	4.087	Giảm do giám thầu, chi phí dự phòng
1.1.3	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Nâng cấp, mở rộng tường rào, nhà vệ sinh	1379/QĐ-UBND ngày 29/4/2022	1.000	1.000	100		1.000	900	Giảm do giám thầu, chi phí dự phòng và giá trị quyết toán giảm
1.1.4	Trường THCS Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	230/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	5.000	2.500	199		5.000	2.301	Giảm do giám thầu, chi phí dự phòng và giá trị quyết toán giảm
1.1.5	Trung tâm chính trị	Thị trấn Đăk Mâm	Kè chống sạt lở và nâng cấp mở, rộng sân bê tông	200/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.500	1.500	19		1.500	1.481	Giảm do giám thầu, chi phí dự phòng và giá trị quyết toán giảm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1.6	Trường TH và THCS Nguyễn Việt Xuân	Xã Buôn Choah	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	248/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	4.000			4.000	4.000	
1.1.7	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ	252/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500	2.500			-	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn để bố trí cho công trình Trường TH Trần Phú, hạng mục: Nhà lớp học 8 phòng 2 do trường đang thiếu phòng học nên rất cấp thiết
1.1.8	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Xã Nam Xuân	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ	226/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500	2.500			-	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn để bố trí cho công trình Trường TH Trần Phú, hạng mục: Nhà lớp học 8 phòng 2 do trường đang thiếu phòng học nên rất cấp thiết
1.1.9	Trường TH Võ Thị Sáu	Xã Đăk Nang	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp 8 phòng 2 tầng	231/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	4.000	4.000			4.000	4.000	
1.1.10	Trường MN Vàng Anh	xã Nam Xuân	Nâng cấp, mở rộng nhà lớp 6 phòng 2 tầng	1531/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	5.000	5.000	193		5.000	4.807	Giảm do giám thầu, chi phí dự phòng và giá trị quyết toán giảm
1.1.11	Trường MN Hướng Dương	Xã Tân Thành	Nâng cấp, mở rộng tường rào, sân trường	227/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000			1.000	1.000	
1.1.12	Trường TH Bé Văn Đàn (phân hiệu Phú Hòa)	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng cổng, tường rào	249/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000	1.000			1.000	1.000	
1.1.13	Trường TH Bé Văn Đàn (phân hiệu Phú Hòa)	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ	228/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	2.500	2.500			2.500	2.500	
1.1.14	Trường tiểu học Kim Đồng	Xã Năm N'Dir	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	2338/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1000	400	70		1.000	330	Giảm do giám thầu, chi phí dự phòng và giá trị quyết toán giảm
1.1.15	Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Xã Quảng Phú	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	2339/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.000	400	42		1.000	358	Giảm do giám thầu, chi phí dự phòng và giá trị quyết toán giảm
1.1.16	Trường THCS Năm Nung, hạng mục: Tường rào	Xã Năm Nung	Tường rào	192/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	1.200	1.200			1.200	1.200	
1.1.17	Trường THCS Nam Đà	Xã Nam Đà	Nhà đa năng		3.500	3.500		821	4.500	4.321	Bổ sung tăng KH vốn do tăng tổng mức đầu tư
1.1.18	Trường TH Phan Bội Châu (phân hiệu 38)	Xã Năm N'Dir	Nhà lớp học 2 phòng					1.600	1.600	1.600	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn (công trình đang rất cấp thiết cần đầu tư để bố trí đủ phòng học cho học sinh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1.19	Trường TH Lê Văn Tám (Điểm chính)	Xã Năm Nung	Nhà lớp học 08 phòng, 2 tầng.					3.400	4.500	3.400	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn (công trình đang rất cấp thiết cần đầu tư để bố trí đủ phòng học cho học sinh và lồng ghép với nguồn thu tiền sử dụng đất 1.100 trđ
1.1.18	Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai, hạng mục: Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	Xã Nam Đà	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	2192/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.000	300	40		1.000	260	Giảm do giám thầu, chi phí dự phòng
<b>1.2</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>				<b>4.000</b>	<b>3.000</b>	-	-	<b>4.000</b>	<b>3.000</b>	
1.2.1	Công chào điện tử, công hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Xây dựng 01 công chào điện tử; 03 công hoa, 02 cụm đèn led trang trí	90/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.000	3.000			4.000	3.000	Lồng ghép với nguồn ngân huyện
<b>1.3</b>	<b>Lĩnh vực kiến thiết thị chính</b>				<b>10.000</b>	<b>4.500</b>	-	-	<b>10.000</b>	<b>4.500</b>	
1.3.1	Chỉnh trang hệ thống vỉa hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị trấn Đăk Mâm	TT Đăk Mâm	Nâng cấp, cải tạo 02km vỉa hè và điện chiếu sáng đô thị.	98/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	10.000	4.500			10.000	4.500	Lồng ghép với nguồn thu tiền sử dụng đất
<b>1.4</b>	<b>Chi đầu tư khác</b>			-	-	<b>3</b>	-	-	-	<b>3</b>	
1.4.1	Đổi ứng Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)	TT Đăk Mâm				3				3	
<b>1.5</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>			-	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	-	-	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	
1.5.1	Sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Dân vận, MTTQ và các đoàn thể huyện Krông Nô (tại địa chỉ mới)	TT Đăk Mâm		2940/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	2.000	2.000			2.000	2.000	
<b>IV</b>	<b>NGUỒN VỐN TỈNH HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐẢM BẢO CỐ SỞ VẬT CHẤT CHO LỰC LƯỢNG CÔNG AN XÃ CHÍNH QUY THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 54/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2022</b>				<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	-	-	<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	-	-	<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng</b>				<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	-	-	<b>30.500</b>	<b>15.000</b>	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1.1	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Đà	Xã Nam Đà	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2369/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	3.500	1.500			3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.2	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2582/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	3.500	1.500			3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.3	Trụ sở làm việc công an xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2702/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	3.500	1.500			3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.4	Trụ sở làm việc công an xã Quảng Phú, hạng mục: Sửa chữa, cải tạo.	Xã Quảng Phú	Sửa chữa, cải tạo.	93/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	800			1.500	800	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.5	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Thành (giai đoạn 2), hạng mục: Nhà ở doanh trại, bếp ăn tập thể, kho vật chứng	Xã Tân Thành	Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	92/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	700	700			700	700	
1.1.6	Trụ sở làm việc Công an xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	86/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.500			3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.7	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Sôr	Xã Đăk Sôr	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	89/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.500			3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.8	Trụ sở làm việc Công an xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Bồi thường giải phóng mặt bằng và các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	85/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	4.300	1.500			4.300	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.9	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500	1.500			3.500	1.500	Lồng ghép với nguồn tỉnh phân cấp: 2.000 triệu đồng
1.1.10	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Drô, hạng mục: Công vào trụ sở; mở rộng sân bê tông; nhà để xe và đường nội bộ	Xã Đăk Drô	Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	1.500			1.500	1.500	
1.1.11	Trụ sở làm việc Công an xã Năm Nung		Các hạng mục còn thiếu theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	84/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500	1.500			1.500	1.500	
<b>V</b>	<b>NGUỒN ỨNG QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH</b>				<b>52.600</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>72.142</b>	<b>85.100</b>	<b>72.142</b>	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				52.600	-	-	72.142	85.100	72.142	
1.1	<b>Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>				52.600	-	-	72.142	85.100	72.142	
1.1.1	Trung tâm xã Nam Đà		Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp, đường giao thông và điện sinh hoạt					32.500	32.500	32.500	Bổ thêm danh mục công trình và tăng kế hoạch vốn
4.5.6	Chỉnh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà Ông Cát)	TT Đắc Mâm	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông	193/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	33.300			24.470	33.300	24.470	
4.5.7	Trung tâm xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông	190/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	9.000			7.000	9.000	7.000	
4.5.8	Trung tâm xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, đường giao thông và điện sinh hoạt	191/NQ-HĐND ngày 19/12/2022	10.300			8.172	10.300	8.172	
VI	<b>DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẤP THIẾT ĐẦU TƯ NHƯNG CHƯA CÂN ĐỐI ĐƯỢC NGUỒN VỐN</b>				278.040	-	10.800	42.828	307.570	2.500	
1	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>				278.040	-	10.800	42.828	307.570	2.500	
1.1	<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				20.500	-	4.500	16.600	30.600	2.500	
1.1.1	Trường TH Trần Phú.	TT Đắc Mâm	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng		4.000		4.500				Giảm do đưa lên danh mục cấp thiết đã bố trí được nguồn
1.1.2	Trường MN Vàng Anh	Xã Nam Xuân	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng		4.000				4.000		
1.1.3	Trường TH Ngô Gia Tự	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.4	Trường THCS Tân Thành	Xã Tân Thành	04 phòng học bộ môn và thư viện		4.000				4.000		
1.1.5	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Nhà da nấng		3.500				3.500		
1.1.6	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Nhà hiệu bộ		2.500				2.500		
1.1.7	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ					2.500	2.500		Bổ dung thêm danh mục

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.1.8	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Xã Nam Xuân	Nâng cấp, mở rộng nhà hiệu bộ					2.500	2.500		Bỏ dung thêm danh mục
1.1.1	Trường TH Trần Phú	TT Đăk Mâm	Nhà hiệu bộ					2.500	2.500		
2.1.6	Trường tiểu học Trần Quốc Toản	Xã Tân Thành	Nhà hiệu bộ					2.500		2.500	Bỏ dung thêm danh mục
2.1.7	Trường Mầm Non Anh Đào (Phân hiệu Buôn Dru)	TT Đăk Mâm	Nhà lớp học 02 phòng					1.600	1.600		Bỏ dung thêm danh mục
2.1.8	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang (Điểm chính)	Xã Nâm Nung	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng					5.000	5.000		Bỏ dung thêm danh mục
<b>1.2</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>				<b>161.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.530</b>	<b>178.030</b>	<b>-</b>	
1.2.1	Đường giao thông thôn Phú Lợi đến điểm quy hoạch dân cư số 2	Xã Quảng Phú	2,8 Km mặt đường láng nhựa		8.000				8.000		
1.2.2	Đường quy hoạch nối giữa N15 đi Đ17	TT Đăk Mâm	0,5km		6.000				6.000		
1.2.3	Đường Cao Sơn đi thôn Nam Tiến	xã Buôn Choóah	BT 0,82 km, nền đường rộng 6m, mặt đường 3,5m		2.000				2.000		
1.2.4	Đường tránh lũ xã Buôn Chóah	xã Buôn Choóah	BT 3,2 km, nền đường rộng 6m, mặt đường 3,5m		5.000				5.000		
1.2.5	Đường tránh thao trường diễn tập của lực lượng vũ trang tỉnh nối khu tái định canh xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Nhựa hóa 5,582km, nền đường rộng 6m, mặt đường rộng 3,5m		20.000				20.000		
1.2.6	Đường chính khu vực Đ11e	TT Đăk Mâm	0,367 km đường đô thị		5.000				5.000		
1.2.7	Đường giao thông liên khu vực Đ7	TT Đăk Mâm	1,88km đường đô thị		20.000				20.000		
1.2.8	Đường giao thông liên khu vực Đ10e	TT Đăk Mâm	1,130km đường đô thị		15.000				15.000		
1.2.9	Đường giao thông liên khu vực Đ10c, Đ10d	TT Đăk Mâm	2,425km đường đô thị		30.000				30.000		
1.2.10	Nâng cấp đường Nam Đà đi Ba Buôn Đăk Mâm (ĐH61)	Xã Nam Đà, TT Đăk Mâm	4,3km đường giao thông		15.000				15.000		
1.2.11	Nâng cấp đường Quốc lộ 28 đi thôn 2, xã Quảng Phú (ĐH63)	Xã Quảng Phú	6km đường giao thông		20.000				20.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.2.12	Đường thôn Phú Thịnh, xã Đăk Nang (khu vực người dân sáng chi)	Xã Đăk Nang	900m đường giao thông		2.000				2.000		
1.2.13	Nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 28 đi tỉnh lộ 3	Xã Nam Đà	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng 2,5km đường nhựa		6.500				6.500		
1.2.14	Các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng	Nam Đà, Buôn Choah	6 km đường		7.000				7.000		
1.2.15	Cầu thôn Nam Thắng, xã Nam Đà tại Km0+800, tuyến đường huyện Nam Đà đi tỉnh lộ 3 (ĐH61)	Xã Nam Đà						16.530	16.530		Bổ sung thêm danh danh mục
<b>1.3</b>	<b>Lĩnh vực cấp, thoát nước</b>				<b>11.558</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.558</b>		
1.3.1	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung thôn Cao Sơn	Xã Buôn Choah	256 hộ		4.658				4.658		
1.3.2	Nâng cấp công trình sinh hoạt thôn Đăk Ri	Tân Thành	120 hộ		3.900				3.900		
1.3.3	Cấp nước tập trung thôn Nam Sơn	Xã Nam Xuân	Cấp nước cho 160 hộ		3.000				3.000		
<b>1.4</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>				<b>24.634</b>	<b>-</b>	<b>4.300</b>	<b>4.200</b>	<b>24.534</b>		
1.4.1	Cống tiêu qua kênh tiêu cánh đồng Đăk Rền, xã Năm N'Đir	Năm N'Đir	03 cống tiêu		950				950		
1.4.2	Nạo vét hệ thống kênh tiêu cánh đồng Đăk Rền, xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	3000m		3.200				3.200		
1.4.3	Thủy lợi hồ Đăk Na 1 (Khu làng Dao)	Xã Tân Thành	Đập (hồ chứa)		7.000				7.000		
1.4.4	Nạo vét kênh tiêu cánh đồng Buôn Lang, Quảng Phú	Xã Quảng Phú	950m		2.100				2.100		
1.4.5	Nâng cấp kênh đất cánh đồng xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	1500m		2.184				2.184		
1.4.6	Trạm bơm điện cánh đồng xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Một trạm bơm		4.900				4.900		
1.4.7	Kênh tưới khu vực cù lao cánh đồng thôn 1 xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	1200m		4.300		4.300				Điều chỉnh giảm danh mục do chưa cấp thiết
1.4.8	Nâng cấp kênh chính và kênh đất cánh đồng thôn Bình Giang, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Nâng cấp 2.000m kênh					4.200	4.200		Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn để bố trí cho công trình Trường TH Trần Phú, hạng mục: Nhà lớp học 8 phòng 2 do trường đang thiếu phòng học nên rất cấp thiết
<b>1.5</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao</b>				<b>39.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.000</b>	<b>44.000</b>	<b>-</b>	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Khái toán TMDT, cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 14/7/2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Khái toán TMDT, Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Giảm	Tăng	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13
1.5.1	Trung tâm VH TT huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Nhà làm việc TTVH TT		12.000				12.000		
1.5.2	Khu liên hợp thể thao huyện	TT Đăk Mâm	Nhà thi đấu, sân quần vợt, sân bóng chuyền, cầu lông, hệ thống điện chiếu sáng..		12.000				12.000		
1.5.3	Sân vận động huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Tổng diện tích 2,5 ha bao gồm khu vực khán đài, sân khấu ngoài trời, nhà vệ sinh, phòng thay đồ, cây xanh, điện chiếu sáng, hàng rào...		15.000				15.000		
1.5.4	Sân vận động huyện Krông Nô	TT Đăk Mâm	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san lấp khoảng 25.000m <sup>2</sup>					5.000	5.000		Bổ sung thêm danh mục
<b>1.6</b>	<b>Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng</b>				<b>20.350</b>	<b>-</b>	<b>2.000</b>	<b>-</b>	<b>18.350</b>	<b>-</b>	
1.6.1	Nâng cấp, sửa chữa thao trường bắn của lực lượng vũ trang huyện	Xã Đăk Drô	Lu lèn, mương thoát nước, hầm bảo bia,...		1.000				1.000		
1.6.2	Đường vành đai nội bộ Ban chỉ huy quân sự huyện	Thị trấn Đăk Mâm	Đường bê tông dài 1km		1.500				1.500		
1.6.3	Thao trường huấn luyện cụm xã phía Bắc	Xã Nam Đà			2.000		2.000		-		Giảm danh mục
1.6.4	Kho vật chất khu căn cứ hậu phương của huyện	Nâm Nung			4.000				4.000		
1.6.5	Thao trường bắn của lực lượng vũ trang huyện	Xã Đăk Drô	Bồi thường giải phóng mặt bằng, nâng cấp, mở rộng thao trường bắn		11.850				11.850		
<b>1.7</b>	<b>Lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp</b>				<b>498</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>498</b>	<b>498</b>	<b>-</b>	
1.7.1	Xây dựng nhà điều hành, kéo điện 3 pha và một số hạng mục khác để vườn ươm cây giống VNSAT hoàn thiện có thể hoạt động	Xã Đăk Drô			498			498	498		Bổ sung thêm danh mục